TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 22-02-2024
V/v "Tranh chấp về ly hôn, nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Mỹ Linh;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Năng;

2. Ông Phan Văn Dân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Bích Ngọc - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Thu Hồng Em - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 347/2023/TLST-HNGĐ, ngày 27 tháng 10 năm 2023 về việc: *"Tranh chấp về ly hôn, nuôi con"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/01/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Cao Thị N, sinh năm 1990 (có mặt);

Cư trú: tổ I, ấp M, M, huyện C, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Anh Võ Nhứt T, sinh năm 1985 (vắng mặt);

Cư trú: Tổ 33, ấp B, A, huyện C, An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị* Cao Thị N *trình bày*:

Do tự tìm hiểu và quen biết nhau nên chị N và anh T quyết định chung sống với nhau từ năm 2014, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn năm 2014 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh An Giang.

Sau chị cưới thì vợ chồng sống bên gia đình chị, thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc. Năm 2017, vợ chồng lên Long An làm công nhân và bắt

đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, anh T cho rằng chị sống mà chỉ lo cho cha mẹ ruột, không lo cho cha mẹ anh, khi anh T nhậu vô thì thường hay kiếm chuyện chửi chị, không tôn trọng chị. Chị có khuyên can nhiều lần, nhưng anh T không sửa đổi, từ đó có nhiều bất đồng về quan điểm sống, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, không có tiếng nói chung. Anh T còn hay ghen tuông vô cớ, vợ chồng không còn tin tưởng nhau.

Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 02 năm 2020 đến nay. Nay tình cảm không còn nên yêu cầu được ly hôn với anh Võ Nhứt T.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Võ Văn P, sinh ngày 10/10/2015. Hiện cháu đang chung sống với chị, sau khi ly hôn yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

** Đối với bị đơn anh* Võ Nhứt T*:* Tòa án đã nhiều lần tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đến gia đình nhằm tạo điều kiện hòa giải đoàn tụ và hàn gắn quan hệ vợ chồng giữa hai người nhưng anh T đều vắng mặt không lý do và cũng không gửi văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị N.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn: Chị N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án chấp nhận cho chị ly hôn với anh T. Về con chung: yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

- Bị đơn anh T: Vắng mặt không có lý do mặc dù Tòa án đã tống đạt hợp lệ nhiều lần các văn bản tố tụng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, các đương sự cũng đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Cao Thị N, giải quyết cho chị N được ly hôn với anh Võ Nhứt T; về con chung: giao cháu P cho chị N nuôi dưỡng, anh T không cấp dưỡng nuôi con do chị N không yêu cầu. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị N phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Hội đồng xét xử nhận định***:**

[1] Về tố tụng:

Chị Cao Thị N và anh Võ Nhứt T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 13 tháng 3 năm 2014 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện C nên

được pháp luật công nhận là vợ chồng theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Nay vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nên chị N yêu cầu ly hôn với anh T. Anh T có hộ khẩu thường trú ở ấp B, xã B, huyện C, An Giang. Căn cứ theo quy định khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

- Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn anh Võ Nhứt T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh vẫn vắng mặt. Việc vắng mặt không lý do chính đáng, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan là từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình được pháp luật bảo vệ nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Cao Thị N xác nhận cuộc sống hôn nhân thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau khi cưới, vợ chồng hạnh phúc được khoảng 06 năm, đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống chung không phù hợp nên chị N yêu cầu được ly hôn với anh T.

Xét thấy, cuộc sống hôn nhân vợ chồng là nhằm xây dựng một gia đình thật sự hạnh phúc, vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chăm sóc và quan tâm lẫn nhau nhưng quan hệ vợ chồng giữa chị N và anh T đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng không còn tồn tại. Tòa án tiến hành lấy lời khai của anh T theo quy định, nhưng không lấy được lời khai do anh T vắng mặt tại nhà. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án anh T đều vắng mặt, đồng thời không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện ly hôn và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng mà phía nguyên đơn chị N đã trình bày. Mặc dù Tòa án đã tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng nhiều lần nhưng anh T vẫn không có văn bản thể hiện ý kiến hay có nguyện vọng là muốn duy trì quan hệ hôn nhân với chị N. Mặt khác, tại Biên bản lấy lời khai ngày 05/01/2024 đối với bà Trần Thị K là mẹ ruột của anh T thể hiện: Quá trình chung sống giữa chị N và anh T đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, cha mẹ hai bên đã cố gắng hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thành, về quan hệ con chung phù hợp như lời trình bày của nguyên đơn. Bà K xác nhận phía anh T có nhận được các văn bản tố tụng của Tòa, nhưng vì bận làm ở xa nên không đến Tòa tham dự được, theo bà K thì giữa chị N và anh T cũng không có khả năng đoàn tụ.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử đủ cơ sở xác định tình trạng hôn nhân của chị N và anh T đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân giữa hai người không đạt được, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình nên chấp nhận yêu cầu của chị Cao Thị N là được ly hôn với anh Võ Nhứt T.

[3] Về quan hệ con cái, cấp dưỡng: Chị Cao Thị N thừa nhận giữa chị và anh Võ Nhứt T có 01 con chung tên Võ Văn P, sinh ngày 10/10/2015. Mặt khác, giấy khai sinh của cháu cũng đã thể hiện rõ điều này, do đó cần công nhận cháu Võ Văn P, sinh ngày 10/10/2015 là con chung của chị N và anh T. Hiện con đang sống với mẹ. Sau khi ly hôn, chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, chị không yêu cầu anh

T cấp dưỡng. Tại Biên bản lấy lời khai đối với cháu P, cháu có nguyện vọng được sống với mẹ. Hội đồng nhận thấy, từ khi chị N và anh T ly thân, cháu P đã sống với mẹ, do đó, để ổn định tâm lý và đảm bảo phát triển cuộc sống của cháu, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của chị Cao Thị N là giao cháu P cho chị N được tiếp tục nuôi dưỡng.

[4] Về tiền cấp dưỡng nuôi con chung: Chị N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, đây là sự tự nguyện và phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, tuy nhiên khi điều kiện kinh tế và điều kiện nuôi con có thay đổi thì các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con, cấp dưỡng trong một vụ kiện khác.

Anh Võ Nhứt T có quyền tới lui, thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định pháp luật.

[5] Về quan hệ tài sản, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí sơ thẩm: Do chị Cao Thị N có yêu cầu ly hôn với anh Võ Nhứt T nên phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 9, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân gia đình 2014;

- Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 177, khoản 2 Điều 227, 228, Điều 271, Điều 273, 278, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- *Xử*:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Cao Thị N. Cho ly hôn giữa chị Cao Thị N đối với anh Võ Nhứt T.

2. Về quan hệ con cái, cấp dưỡng: Công nhận cháu Võ Văn P, sinh ngày 10/10/2015 là con chung của chị Cao Thị N và anh Võ Nhứt T;

+ Tiếp tục giao cháu Võ Văn P cho chị Cao Thị N được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục (hiện cháu P đang sống chung với chị N); anh T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị N không yêu cầu;

+ Chị Cao Thị N cùng các thành viên trong gia đình (nếu có) không được cản trở anh T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung.

+ Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. Về quan hệ tài sản, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị Cao Thị N phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm, đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai thu số 0004615 ngày 27/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, An Giang, được khấu trừ nên chị N đã nộp xong.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Cao Thị N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Võ Nhứt T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai hợp lệ theo quy định của pháp luật để yêu cầu xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND.Châu Thành;
- Chi cục THADS.Châu Thành;
- Cơ quan nơi đăng ký kết hôn;
- Phòng KTNV và THA;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Hà Thị Mỹ Linh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Thị Mỹ Linh